

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Bà Trần Thị Kim Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Tuyết A – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 3B, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Hữu N – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 3B, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 15/5/2020, bản tự khai ngày 15/5/2020 chị Trần Thị Tuyết A trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu N kết hôn với nhau vào

năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách chăm sóc, giáo dục con chung, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy đời sống chung không còn hạnh phúc và không còn tình cảm nên chị Tuyết A làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung cháu tên Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 05/02/2015. Hiện nay cháu Đ đang sống chung với anh chị. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Chị Trần Thị Tuyết A có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, đối với chị Tuyết A có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Tuyết Anh. Đối với anh Nguyễn Hữu N, mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Tuyết A được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Khải Đ sinh ngày 05/02/2015 cho chị Tuyết A nuôi dưỡng. Do chị Tuyết A chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Tuyết A và anh Nguyễn Hữu N do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị Tuyết A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ng, do anh N có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết A có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Tuyết A. Đối với anh Nguyễn Hữu N, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh N vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Tuyết A và anh Nguyễn Hữu N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm nên không thể hàn gắn gia đình. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng triệu tập anh Nguyễn Hữu N đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn gia đình nhưng anh không đến. Điều này chứng minh mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị Tuyết A kiên quyết xin ly hôn với anh N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Tuyết A và anh N có 01 con chung cháu tên Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 05/02/2015. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Tuyết A Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Đ còn nhỏ, đang sống chung với chị Tuyết A nên nhằm ổn định cuộc sống và chỗ ở của cháu Đ nên Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị Trần Thị Tuyết A tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị Tuyết A chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh N không phải là người trực tiếp nuôi cháu Đ nên chị Tuyết A phải tạo điều kiện thuận lợi để anh N được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị Trần Thị Tuyết A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết A

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Tuyết A được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2015 cho chị Trần Thị Tuyết A nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Hữu N không ai được quyền ngăn.

3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị Trần Thị Tuyết A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Tuyết A đã nộp theo biên lai số 0003722 ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Chị Tuyết A đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Đua